

BÁO CÁO KỸ THUẬT

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

LỒNG GHÉP GIỚI TRỌNG LẬP KẾ
HOẠCH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI
KHÍ HẬU & QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN
TAI

Chịu trách nhiệm bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Trụ sở đăng kí

Bonn and Eschborn, Đức

Dự án

Hỗ trợ Việt Nam thực hiện thỏa thuận Paris II
(VN-SIPA II)

Tác giả

Trương Quang Hồng và Nguyễn Ngọc Thủy

Miễn trừ trách nhiệm

Các kết quả, diễn giải, minh họa trình bày và kết luận trong tài liệu này dựa trên các thông tin do GIZ, đối tác và công tác viên thu thập. GIZ không đảm bảo tính chính xác hoặc tính hoàn chỉnh của các thông tin và minh họa trong tài liệu này, và do đó không bị ràng buộc trách nhiệm cho bất kì lỗi sai, thiếu sót, hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

Đại diện cho

Dự án được thực hiện thay mặt Sáng kiến Khí hậu Quốc tế (IKI) của Chính phủ Liên bang Đức. Trong Chính phủ Liên bang, IKI thuộc Bộ Môi trường, Hành động khí hậu, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn hạt nhân Liên bang Đức (BMUKN). Một số dự án riêng lẻ cũng đồng thời thuộc trách nhiệm của Bộ Ngoại giao Liên bang Đức (AA).

(Tháng/Năm)

09/2025

Mục lục

1. Giải thích một số thuật ngữ.....	4
2. Giới thiệu chung.....	7
2.1. Mục đích sử dụng tài liệu.....	7
2.2. Cơ sở xây dựng hướng dẫn.....	7
2.3. Sự cần thiết lồng ghép giới trong CCRAP.....	8
3. Lồng ghép giới trong CCRAP cấp sở, ngành.....	10
3.1. Quy trình 5 bước.....	10
3.2. Sơ đồ tiến trình 5 bước.....	12
3.3. Hướng dẫn tích hợp nội dung giới vào từng mục trong bản kế hoạch.....	12
4. Bộ công cụ hỗ trợ lồng ghép giới.....	14
Bước 1. Thu thập và rà soát thông tin, dữ liệu giới.....	14
Bước 2. Phân tích giới và tác động của biến đổi khí hậu.....	14
Bước 3. Xác định mục tiêu, kết quả và hoạt động có lồng ghép giới.....	16
Bước 4. Phân bổ nguồn lực và ngân sách đáp ứng giới.....	16
Bước 5. Giám sát, đánh giá với chỉ số giới.....	17
Kết luận.....	17
Khuyến nghị sử dụng.....	18
5. Gợi ý chỉ số giới theo lĩnh vực CCRAP.....	19
5.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và sinh kế.....	19

5.2. Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường – Nước	19
5.3. Lĩnh vực Y tế và sức khỏe cộng đồng	20
5.4. Lĩnh vực Giáo dục.....	20
5.5. Lĩnh vực Du lịch – Dịch vụ	20
5.6. Lĩnh vực Giao thông và hạ tầng	21
5.7. Lĩnh vực Lao động – Việc làm	21
5.8. Lĩnh vực Văn hóa – Thông tin – Truyền thông	21
Lưu ý khi sử dụng chỉ số giới.....	22

1. Giải thích một số thuật ngữ

1. CCRAP

Là việc lập kế hoạch ứng phó với các tác động của Biến đổi khí hậu.

2. Giới (Gender)

“Giới” là khái niệm xã hội, phản ánh vai trò, trách nhiệm, quyền lợi và mối quan hệ giữa nam và nữ trong từng bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội. Giới là sản phẩm của quá trình xã hội hóa, có thể thay đổi theo thời gian và điều kiện cụ thể.

Ví dụ: Ở nhiều cộng đồng nông thôn, phụ nữ thường gắn với công việc chăm sóc gia đình, còn nam giới gắn với lao động sản xuất. Tuy nhiên, khi kinh tế - xã hội thay đổi, vai trò này cũng biến chuyển, như phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các mô hình sinh kế nông nghiệp và dịch vụ du lịch.

Khác với giới tính sinh học (sex): Giới tính chỉ đặc điểm sinh học tự nhiên của nam và nữ (như mang thai, sinh con thuộc về nữ). Giới tính là bất biến, còn “giới” mang tính xã hội và có thể thay đổi.

3. Bình đẳng giới (Gender equality)

Là trạng thái trong đó nam và nữ có quyền, cơ hội và điều kiện ngang nhau trong tiếp cận, tham gia và thụ hưởng lợi ích phát triển. Bình đẳng giới không chỉ là “nam và nữ được đối xử như nhau”, mà còn bao gồm việc tạo điều kiện để phụ nữ khắc phục bất lợi, từ đó có thể tham gia ngang bằng.

Ví dụ: Trong ứng phó biến đổi khí hậu, cả nam và nữ đều cần được tiếp cận thông tin cảnh báo sớm; tuy nhiên, nếu chỉ thông báo tại các buổi họp thôn vào buổi tối (khi phụ nữ bận việc gia đình), thì thực tế phụ nữ có thể không tiếp cận được. Bình đẳng giới yêu cầu có hình thức truyền thông phù hợp cho cả nam và nữ.

4. Công bằng giới (Gender equity)

Công bằng giới là việc phân bổ nguồn lực, lợi ích và trách nhiệm dựa trên sự khác biệt và bất lợi của mỗi giới, nhằm đạt được bình đẳng giới thực chất.

Ví dụ: Khi tổ chức tập huấn kỹ thuật nông nghiệp, cần có hỗ trợ gửi trẻ hoặc sắp xếp thời gian phù hợp để phụ nữ có thể tham gia, vì họ thường gánh nhiều việc chăm sóc gia đình. Đó là công bằng giới, giúp khắc phục rào cản để phụ nữ có cơ hội ngang bằng với nam giới.

5. Định kiến giới (Gender prejudice)

Là những nhận định, quan niệm sẵn có, cứng nhắc, áp đặt về vai trò, phẩm chất của nam và nữ. Các định kiến này thường làm hạn chế cơ hội phát triển của phụ nữ hoặc nam giới.

Ví dụ: “Phụ nữ thì yếu đuối, không phù hợp làm lãnh đạo” hoặc “Nam giới không nên làm công việc chăm sóc gia đình”. Những định kiến này có thể ảnh hưởng đến việc phân

công lao động và cơ hội tham gia ra quyết định trong các chương trình ứng phó BĐKH.

6. Khuôn mẫu giới (Gender stereotype)

Là những chuẩn mực xã hội phổ biến, quy định “nam phải làm gì, nữ phải làm gì”. Khuôn mẫu này có thể khác nhau giữa các cộng đồng, và thay đổi theo thời gian.

Ví dụ: Ở một số nơi, việc đi rừng, đánh bắt cá thường được coi là công việc của nam giới, còn phụ nữ gắn với việc nội trợ. Trong bối cảnh BĐKH, nếu giữ nguyên khuôn mẫu này, phụ nữ có thể không được tham gia vào các chương trình quản lý tài nguyên hoặc ra quyết định cộng đồng.

7. Phân tích giới (Gender analysis)

Là quá trình thu thập và phân tích dữ liệu để nhận diện sự khác biệt về vai trò, nhu cầu, cơ hội, năng lực và mức độ dễ bị tổn thương của nam và nữ. Phân tích giới là cơ sở để xây dựng kế hoạch, chính sách đáp ứng giới.

Ví dụ: Trong nông nghiệp, phân tích giới cho thấy phụ nữ thường tham gia gieo trồng, chăm sóc, nhưng ít được tiếp cận đất đai và tín dụng. Từ đó, kế hoạch cần bổ sung hoạt động hỗ trợ phụ nữ tiếp cận vốn vay và kỹ thuật canh tác thích ứng.

8. Lồng ghép giới (Gender mainstreaming)

Là quá trình đưa quan điểm, mục tiêu và giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới vào trong **toàn bộ chu kỳ** của chính sách, chương trình, dự án và kế hoạch. Điều này giúp bảo đảm mọi hoạt động đều tính đến tác động giới và hướng đến bình đẳng giới.

Ví dụ: Khi xây dựng CCRAP, việc lồng ghép giới không chỉ dừng ở việc “ghi nhận phụ nữ tham gia”, mà còn phải có chỉ số đo lường sự tham gia của phụ nữ, có ngân sách hỗ trợ và cơ chế bảo đảm tiếng nói của họ trong quá trình thực hiện.

9. Nhạy cảm giới (Gender sensitive)

Là việc thừa nhận và có tính đến sự khác biệt giới trong thiết kế và triển khai hoạt động, nhằm tránh gây bất lợi cho một giới.

Ví dụ: Khi tổ chức tập huấn về phòng chống thiên tai, nếu chỉ mời trưởng thôn (đa số là nam), thì hoạt động này chưa nhạy cảm giới. Nhạy cảm giới nghĩa là cần mời cả phụ nữ, hoặc có cách thức bảo đảm họ cũng được tiếp cận thông tin.

10. Đáp ứng giới (Gender responsive)

Là mức độ cao hơn của “nhạy cảm giới”, tức là chính sách, kế hoạch không chỉ tính đến khác biệt giới mà còn chủ động **đáp ứng nhu cầu đặc thù** của từng giới.

Ví dụ: Trong xây dựng hệ thống nước sạch, cần tính đến nhu cầu của phụ nữ – những người thường trực tiếp gánh nước, chăm sóc gia đình – để thiết kế hệ thống thuận tiện, giảm gánh nặng lao động cho họ.

11. Chuyển đổi mối quan hệ giới (Gender transformative)

Là cách tiếp cận nhằm **thay đổi những định kiến, khuôn mẫu giới bất bình đẳng**, chứ

không chỉ giảm nhẹ tác động giới. Nó thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ, mở rộng không gian tham gia ra quyết định, và thay đổi quan niệm xã hội về vai trò giới.

Ví dụ: Không chỉ dừng ở việc “phụ nữ được mời tham gia họp thôn”, mà còn khuyến khích họ giữ vai trò lãnh đạo nhóm cộng đồng, tham gia xây dựng chính sách thích ứng BĐKH.

12. Tích hợp giới vào kế hoạch (Gender integration in a plan)

Tích hợp giới là việc vận dụng các phân tích và công cụ giới để đưa **mục tiêu, hoạt động, chỉ số và nguồn lực liên quan đến giới** vào trong **một kế hoạch hoặc văn bản cụ thể**. Quá trình này diễn ra ở từng bước của quy trình lập kế hoạch – từ phân tích bối cảnh, thiết kế, thực hiện cho đến giám sát và đánh giá.

Khác với “lồng ghép giới” (gender mainstreaming) – vốn mang tính chiến lược và định hướng lâu dài trong toàn bộ chính sách, chương trình, “tích hợp giới” tập trung vào **cách thức kỹ thuật** để bảo đảm yếu tố giới được thể hiện rõ ràng, đầy đủ và có thể đo lường được trong một bản kế hoạch cụ thể.

13. Chỉ số đầu vào (Input indicators):

Đo lường **nguồn lực được huy động** để triển khai hoạt động có lồng ghép giới.

Ví dụ: “Kinh phí dành cho hoạt động tập huấn phụ nữ về thích ứng BĐKH chiếm ít nhất 30% tổng kinh phí tập huấn của ngành”.

14. Chỉ số hoạt động (Process/Activity indicators):

Đo lường **quá trình triển khai** hoạt động, đảm bảo có sự tham gia giới.

Ví dụ: “Tỷ lệ nữ tham gia trong các khóa tập huấn kỹ thuật canh tác nông nghiệp thích ứng đạt tối thiểu 40%”.

15. Chỉ số đầu ra (Output indicators):

Đo lường **kết quả trực tiếp** của hoạt động, thường thể hiện bằng số lượng, tỷ lệ.

Ví dụ: “Số lượng phụ nữ được tập huấn và áp dụng biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp”.

16. Chỉ số kết quả (Outcome indicators):

Đo lường **sự thay đổi ngắn/trung hạn** về năng lực, hành vi, cơ hội của nam và nữ sau khi tham gia hoạt động.

Ví dụ: “Tỷ lệ phụ nữ báo cáo có khả năng chủ động trong quyết định sản xuất và tiêu thụ nông sản tăng 20% so với trước dự án”.

17. Chỉ số tác động (Impact indicators):

Đo lường **sự thay đổi bền vững, lâu dài** trong giảm thiểu bất bình đẳng giới và tăng cường khả năng thích ứng.

Ví dụ: “Tỷ lệ hộ gia đình do phụ nữ làm chủ có khả năng phục hồi sinh kế sau thiên tai ngang bằng với hộ do nam làm chủ”.

2. Giới thiệu chung

2.1. Mục đích sử dụng tài liệu

Tài liệu này được xây dựng nhằm hỗ trợ cán bộ các sở, ngành tại các tỉnh dự án (Quảng Trị và Hà Tĩnh) có thêm công cụ và hướng dẫn thực hành để lồng ghép giới trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo lĩnh vực phụ trách.

Trước đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UN Women đã ban hành “Hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép giới trong kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh” (2023). Tài liệu đó cung cấp khung kỹ thuật quan trọng và có giá trị tham khảo chung cho cấp tỉnh. Tuy nhiên, nội dung còn mang tính khái quát, tập trung vào hướng dẫn ở cấp tỉnh.

Trong khuôn khổ Dự án do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) hỗ trợ tại khu vực Bắc Trung Bộ, một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra là xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hành, sát với nhu cầu thực tế của cán bộ sở, ngành tại các tỉnh dự án. Tài liệu này được biên soạn nhằm đáp ứng yêu cầu đó, đóng vai trò là tài liệu bổ trợ cho các hoạt động tập huấn và triển khai CCRAP ở cấp ngành.

Tài liệu hiện tại không thay thế hướng dẫn kỹ thuật nói trên, mà có vai trò bổ sung và chi tiết hóa cho phù hợp với thực tế công việc của cán bộ sở, ngành, với các đặc điểm sau:

- Thiết kế sát với thực tế lập kế hoạch của các sở, ngành trong quá trình triển khai CCRAP;
- Cung cấp các công cụ thực hành đơn giản, dễ áp dụng, có thể sử dụng trực tiếp khi soạn thảo kế hoạch ngành hoặc xây dựng và triển khai các chương trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu.
- Đóng vai trò như tài liệu “nhắc nhở” sau tập huấn, hỗ trợ cán bộ tham chiếu nhanh và áp dụng ngay vào công việc thường xuyên.

Tài liệu cung cấp hướng dẫn ngắn gọn, tập trung vào các bước thực hành và công cụ cụ thể, dễ áp dụng trong điều kiện thực tiễn của tỉnh. Đây là tài liệu tham khảo nhanh sau các khóa tập huấn, giúp cán bộ:

- Hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lồng ghép giới trong việc ứng phó biến đổi khí hậu tại địa phương;
- Biết cách áp dụng quy trình 5 bước lồng ghép giới vào kế hoạch và các chương trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu tại địa phương;
- Sử dụng các công cụ và chỉ số giới trong quá trình lập, thực hiện và giám sát kế hoạch, chương trình, dự án.

2.2. Cơ sở xây dựng hướng dẫn

Việc xây dựng tài liệu dựa trên các căn cứ:

- **Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;**
- **Luật Bình đẳng giới năm 2006;**
- **Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050;**
- **Nghị định số 55/2023/NĐ-CP về lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;**
- **Hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép giới trong kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH cấp tỉnh (Bộ TN&MT phối hợp UN Women, 2023);**

Ngoài các căn cứ pháp lý và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đã được ban hành ở cấp quốc gia, nội dung của tài liệu này còn dựa trên kết quả phân tích giới được nhóm tư vấn tiến hành tại tỉnh Quảng Trị trong tháng 6 và 7 năm 2025 (trước khi tỉnh được sáp nhập và đổi tên). Các thông tin này có giá trị tham khảo thực tiễn, giúp làm rõ những thách thức giới trong ứng phó với biến đổi khí hậu và gợi ý hướng lồng ghép giới vào kế hoạch hành động.

Tuy nhiên, đây cũng là một hạn chế của tài liệu, vì phạm vi dữ liệu chưa bao quát thực tế tại các tỉnh dự án (Quảng Trị và Hà Tĩnh) hiện nay. Do đó, khi áp dụng tài liệu này, cán bộ các sở, ngành cần chủ động cập nhật thêm số liệu, minh chứng và thực tiễn tại địa phương mình, để bảo đảm kế hoạch được xây dựng vừa mang tính kỹ thuật, vừa phản ánh đúng tình hình giới tại địa bàn.

2.3. Sự cần thiết lồng ghép giới trong CCRAP

Khu vực Bắc Trung Bộ (bao gồm Quảng Trị và Hà Tĩnh) là một trong những vùng chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Đặc điểm tự nhiên hẹp ngang, địa hình chia cắt mạnh, vừa có núi, đồng bằng hẹp và bờ biển dài khiến khu vực thường xuyên đối diện với các loại hình thiên tai, bao gồm:

- **Bão, áp thấp nhiệt đới và nước dâng do bão**, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hạ tầng ven biển;
- **Lũ lụt, ngập úng** ở vùng đồng bằng và hạ lưu sông, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và nơi ở của hàng trăm nghìn hộ dân;
- **Hạn hán, thiếu nước** trong mùa khô, đặc biệt ở vùng gò đồi và ven biển, tác động đến sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt;
- **Xói lở bờ biển và sạt lở đất** ở vùng núi, đe dọa an toàn các công trình dân sinh và cộng đồng.

Những tác động này không chỉ làm suy giảm tăng trưởng kinh tế - xã hội của các tỉnh dự án mà còn làm trầm trọng thêm các vấn đề bất bình đẳng giới vốn đã tồn tại. Phụ nữ thường chịu gánh nặng trong chăm sóc gia đình, ít có cơ hội tiếp cận nguồn lực, hạn chế tiếng nói trong ra quyết định, do đó mức độ dễ bị tổn thương của họ trước tác động của

khí hậu càng lớn.

Cụ thể tại Quảng Bình cũ (trước khi sáp nhập), một số minh chứng thực tiễn cho thấy rõ tác động khí hậu có tính chất giới:

- **Nông nghiệp và sinh kế nông thôn:** Phụ nữ tham gia chủ yếu ở khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch nhưng lại ít tiếp cận đất đai, vốn tín dụng. Lũ lụt thường xuyên làm mất mùa, phụ nữ gánh thêm công việc tái tạo sinh kế.
- **Sức khỏe và an sinh:** Các đợt bão lũ làm gia tăng dịch bệnh, thiếu nước sạch; phụ nữ chịu trách nhiệm chăm sóc thành viên gia đình nên gánh nặng sức khỏe và thời gian cao hơn nam giới.
- **Di cư lao động:** Biến đổi khí hậu làm nhiều nam giới di cư tìm việc, phụ nữ ở lại phải “gánh kép” – vừa sản xuất vừa chăm sóc gia đình, thiếu sự hỗ trợ về kỹ thuật và nguồn lực.
- **Giáo dục và trẻ em:** Trong thiên tai, việc gián đoạn học tập ảnh hưởng đến trẻ em, trong đó bé gái có nguy cơ bỏ học cao hơn để hỗ trợ gia đình.

Những thực tế này cho thấy, nếu không có giải pháp lồng ghép giới trong CCRA, các kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu dễ bỏ sót nhu cầu, vai trò và tiếng nói của phụ nữ, từ đó không đạt hiệu quả và tính bền vững.

3. Lồng ghép giới trong CCRAP cấp sở, ngành

3.1. Quy trình 5 bước

Bước 1. Thu thập và rà soát thông tin, dữ liệu giới

- **Mục đích:** Xác định rõ tình hình thực tế về vai trò, trách nhiệm, mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ và nam giới trong lĩnh vực ngành phụ trách. Đây là cơ sở để đảm bảo kế hoạch được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tiễn.
- **Nội dung thực hành:** Thu thập số liệu phân tách theo giới (nam/nữ, nhóm tuổi, nhóm dễ bị tổn thương), rà soát báo cáo ngành, thống kê tỉnh và các nguồn dữ liệu khác.
- **Công cụ sử dụng:** Bảng rà soát dữ liệu giới, phiếu kiểm tra thông tin giới.
- **Các kết quả mong đợi:**
 - ✓ Có được bức tranh cơ bản về thực trạng giới trong ngành.
 - ✓ Các khác biệt giới trong lĩnh vực ngành đã được nhận diện bước đầu.
 - ✓ Nếu chưa có số liệu phân tách giới, phải nêu rõ hạn chế và đề xuất bổ sung trong giai đoạn triển khai

Bước 2. Phân tích giới và tác động của biến đổi khí hậu

- **Mục đích:** Làm rõ sự khác biệt giới trong tiếp cận nguồn lực, vai trò lao động, ra quyết định, từ đó xác định những nhóm chịu rủi ro cao hơn khi có tác động khí hậu.
- **Nội dung thực hành:** Vận dụng các công cụ phân công lao động, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, ra quyết định... để phân tích ai làm gì, ai hưởng lợi, ai dễ bị tổn thương.
- **Công cụ sử dụng:** Ma trận phân công lao động, biểu đồ tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, phân tích ra quyết định trong hộ/cộng đồng.
- **Các kết quả mong đợi:**
 - ✓ Xác định rõ sự khác biệt giới trong vai trò, cơ hội và quyền lực trong ngành.
 - ✓ Chỉ ra được những bất bình đẳng giới đang tồn tại.
 - ✓ Xác định nhu cầu và mong đợi thay đổi của cả nam và nữ.
 - ✓ Làm cơ sở quan trọng để xây dựng mục tiêu và hoạt động ở bước sau.

Bước 3. Xác định mục tiêu, kết quả và hoạt động có lồng ghép giới

- **Mục đích:** Chuyển kết quả phân tích thành các mục tiêu, kết quả và hoạt động cụ thể, đảm bảo tiếng nói và lợi ích của cả hai giới.

- **Nội dung thực hành:** Đặt mục tiêu rõ ràng (SMART), xác định hoạt động cụ thể cho nam và nữ, bảo đảm phù hợp với thực tế ngành.
- **Công cụ sử dụng:** Khung xác định mục tiêu/kết quả, bảng chuyển đổi phân tích giới thành hoạt động.
- **Các kết quả mong đợi:**
 - ✓ Mục tiêu và kết quả cụ thể, đo lường được, gắn với nhu cầu giới.
 - ✓ Hoạt động được thiết kế bảo đảm sự tham gia và hưởng lợi công bằng giữa nam và nữ.
 - ✓ Tránh tình trạng ghi chung chung “có lồng ghép giới” nhưng không rõ ràng.

Bước 4. Phân bổ nguồn lực và ngân sách đáp ứng giới

- **Mục đích:** Đảm bảo các hoạt động giới được triển khai có đủ nguồn lực để thực hiện thực chất, tránh hình thức.
- **Nội dung thực hành:** Xác định ngân sách cho các hoạt động có giới, cân đối nguồn lực ngành, lồng ghép tiêu chí giới trong phân bổ ngân sách.
- **Công cụ sử dụng:** Bảng dự toán ngân sách đáp ứng giới, Bảng kiểm kiểm tra phân bổ nguồn lực.
- **Các kết quả mong đợi:**
 - ✓ Có dự toán ngân sách rõ ràng cho các hoạt động lồng ghép giới.
 - ✓ Có sự cân đối để phụ nữ và nam giới tham gia không bị hạn chế do nguồn lực.
 - ✓ Tránh “đặt mục tiêu có giới” nhưng không có ngân sách đi kèm.

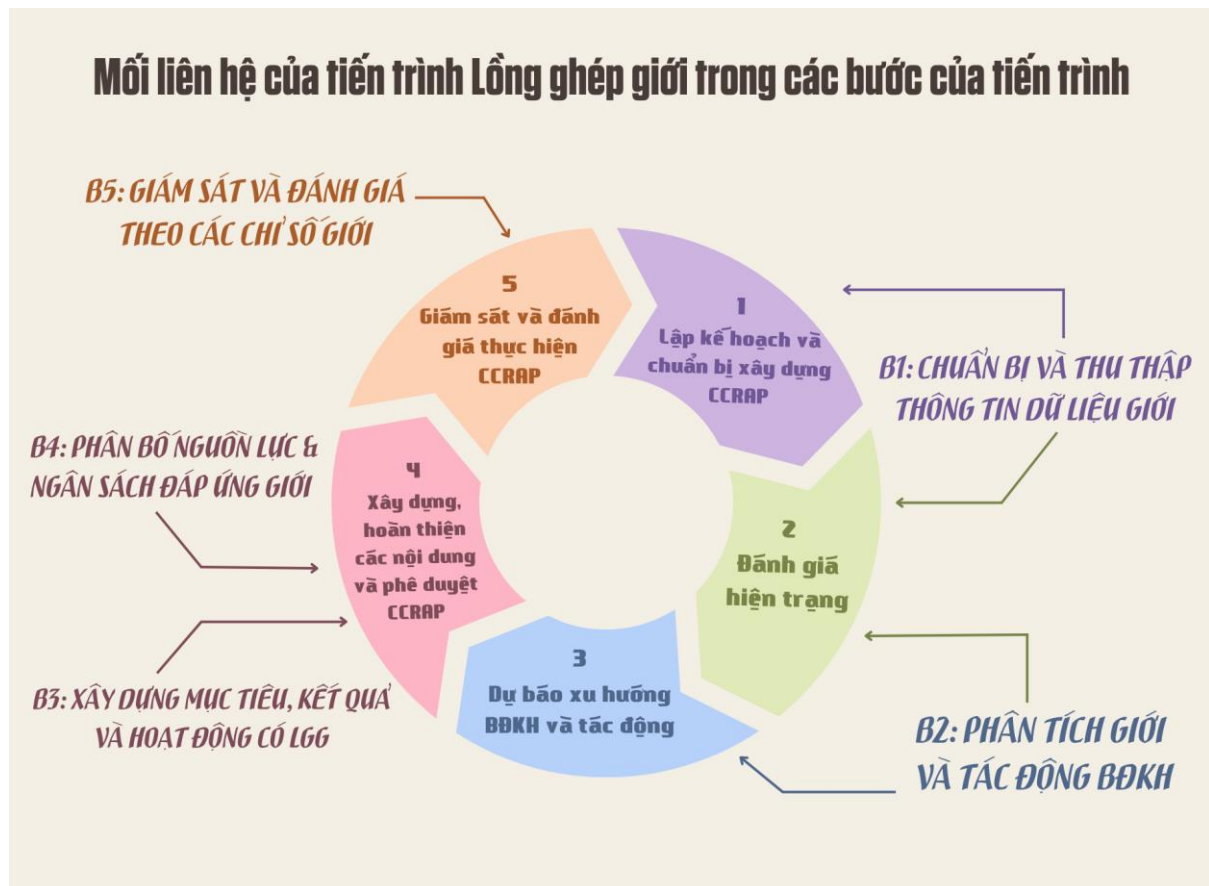
Bước 5. Giám sát, đánh giá với chỉ số giới

- **Mục đích:** Theo dõi hiệu quả lồng ghép giới trong quá trình thực hiện, từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh.
- **Nội dung thực hành:** Xác định chỉ số có phân tách giới, thiết lập cơ chế giám sát định kỳ, phân tích cả số lượng và chất lượng tham gia.
- **Công cụ sử dụng:** Bộ chỉ số giới theo lĩnh vực, biểu mẫu báo cáo giám sát giới.
- **Các kết quả mong đợi:**
 - ✓ Có hệ thống chỉ số theo dõi phân tách giới rõ ràng.

- ✓ Đánh giá được cả về số lượng tham gia và chất lượng sự tham gia.
- ✓ Tạo cơ sở minh chứng cho việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong tương

3.2. Sơ đồ tiến trình 5 bước

Sơ đồ dưới đây minh họa mối liên hệ giữa tiến trình lồng ghép giới và qui trình lập kế hoạch CCRAP theo từng bước. Việc chuẩn bị và lồng ghép giới do đó cần bắt đầu ngay từ giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch CCRAP (Bước 1 của CCRAP)



3.3. Hướng dẫn tích hợp nội dung giới vào từng mục trong bản kế hoạch

Để bảo đảm yếu tố giới được phản ánh đầy đủ trong bản kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, cán bộ soạn thảo cần lưu ý:

- **Phần Bối cảnh và thách thức:** Bổ sung thông tin giới về vai trò, gánh nặng và mức độ tổn thương khác nhau giữa phụ nữ và nam giới. Khi mô tả bối cảnh, cần có dẫn chứng cụ thể từ địa phương để minh họa, tránh viết chung chung.
- **Phần Mục tiêu và kết quả mong đợi:** Cần đặt ra các mục tiêu cụ thể và đo lường được về giới, thay vì chỉ khẳng định chung chung. Ví dụ, thay vì ghi “có sự tham gia của phụ nữ”, có thể ghi rõ “ít nhất 30% thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã là nữ”.
- **Phần Hoạt động và giải pháp:** Các hoạt động đề xuất cần tính đến điều kiện, nhu cầu và vai trò khác nhau của nam và nữ. Ví dụ, tập huấn kỹ thuật cho nông

dân nên cân nhắc thời gian phù hợp với phụ nữ (vốn bận việc gia đình), hoặc có hỗ trợ trông trẻ khi cần. Tránh tình trạng chỉ ghi tên phụ nữ trong danh sách tham gia mà không có nội dung hỗ trợ thực chất.

- **Phần Nguồn lực và ngân sách:** Cần bố trí ngân sách rõ ràng cho các hoạt động giới, thay vì để “ghi chú”. Việc không có nguồn lực cụ thể sẽ làm cho mục tiêu giới không thể triển khai.
- **Phần Giám sát và đánh giá:** Các chỉ số giám sát cần có phân tách giới, và không chỉ dừng lại ở số lượng phụ nữ tham gia mà còn xem xét chất lượng sự tham gia (ví dụ: phụ nữ có được tham gia ý kiến, ra quyết định hay không).

4. Bộ công cụ hỗ trợ lồng ghép giới

Bước 1. Thu thập và rà soát thông tin, dữ liệu giới

Công cụ 1.1. Danh mục thông tin giới cần thu thập

- **Nội dung thông tin cần thu thập:**
 - Số liệu phân tách theo giới về dân số, lao động, thu nhập, nghèo đói, giáo dục, y tế, sở hữu đất đai, tham gia tổ chức, tiếp cận tín dụng, tham gia tập huấn, v.v.
 - Tình hình ảnh hưởng thiên tai và biến đổi khí hậu: ai bị ảnh hưởng nhiều hơn, mất mát ra sao.
- **Ví dụ:** Khi thu thập số liệu lao động ngành nông nghiệp, cần có phân tách tỷ lệ phụ nữ/nam giới tham gia, mức thu nhập trung bình, khả năng tiếp cận đất sản xuất.

Công cụ 1.2. Ma trận thu thập thông tin giới

Lĩnh vực	Nam	Nữ	Nhận xét về khác biệt giới
Lao động nông nghiệp	60 %	75%	Nữ tập trung ở khâu gieo trồng, ít tiếp cận đất đai
Tiếp cận tín dụng	45 %	25%	Nữ gặp khó khăn do thiếu tài sản thế chấp
Tham gia ra quyết định cộng đồng	70 %	30%	Nữ ít có tiếng nói trong ban quản lý

Bảng kiểm kiểm tra:

- ☐ Có số liệu phân tách giới?
- ☐ Có minh chứng từ địa phương?
- ☐ Có mô tả rõ khác biệt nam/nữ?

Bước 2. Phân tích giới và tác động của biến đổi khí hậu

Công cụ 2.1. Phân công lao động theo giới

- **Mục đích:** Xác định rõ nam và nữ tham gia vào các loại công việc nào trong gia đình, sản xuất, cộng đồng; từ đó làm rõ khối lượng, gánh nặng, và ảnh hưởng khi biến đổi khí hậu xảy ra.
- **Câu hỏi gợi ý:**
 1. Nam/nữ thường làm những công việc gì trong sản xuất, sinh kế, việc nhà và cộng đồng?
 2. Có sự khác biệt nào trong thời gian và loại việc nam/nữ làm?
 3. Sự khác biệt này có tạo ra **bất bình đẳng giới** không (ví dụ: phụ nữ vừa làm việc nhà vừa sản xuất, gánh “gánh kép”)?
 4. Nam/nữ mong đợi điều gì để thay đổi sự khác biệt này (ví dụ: phụ nữ mong được chia sẻ việc nhà; nam mong có thêm cơ hội tham gia chăm sóc con cái)?

Công cụ 2.2. Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực

- **Mục đích:** Phân tích ai có quyền **tiếp cận** và ai có quyền **kiểm soát** các nguồn lực quan trọng (đất đai, vốn, kỹ thuật, thông tin, dịch vụ).
- **Câu hỏi gợi ý:**
 1. Nam/nữ có thể tiếp cận những nguồn lực nào (đất đai, tín dụng, tập huấn, thông tin thị trường...)?
 2. Ai trong gia đình/cộng đồng có quyền **kiểm soát** các nguồn lực đó (quyết định sử dụng, chuyển nhượng, phân chia)?
 3. Có sự khác biệt nào giữa nam/nữ trong việc tiếp cận và kiểm soát?
 4. Sự khác biệt này có phải là **bất bình đẳng giới** không (ví dụ: phụ nữ tiếp cận dịch vụ tín dụng nhưng không có quyền quyết định khoản vay)?
 5. Nam/nữ mong đợi thay đổi gì (ví dụ: phụ nữ mong có quyền đứng tên đất; nam mong chia sẻ gánh nặng tài chính)?

Công cụ 2.3. Ra quyết định

- **Mục đích:** Đánh giá mức độ tham gia và tiếng nói của nam/nữ trong các quyết định quan trọng của hộ gia đình và cộng đồng.
- **Câu hỏi gợi ý:**

1. Trong hộ gia đình, ai là người ra các loại quyết định khác nhau (chi tiêu lớn, sản xuất, học hành của con, tham gia cộng đồng)?
2. Trong cộng đồng, ai tham gia họp bàn và ai thực sự có tiếng nói quyết định?
3. Có sự khác biệt nào về vai trò ra quyết định giữa nam/nữ?
4. Sự khác biệt này có tạo ra **bất bình đẳng giới** không (ví dụ: phụ nữ tham gia họp nhưng ít khi phát biểu)?
5. Nam/nữ mong đợi điều gì để thay đổi (ví dụ: phụ nữ mong có cơ hội phát biểu, nam mong giảm áp lực gánh trách nhiệm chính)?

Bảng kiểm chung cho phân tích giới

- ☐ Đã phân tích ai làm gì (phân công lao động)?
- ☐ Đã phân tích ai tiếp cận và ai kiểm soát nguồn lực?
- ☐ Đã phân tích ai ra quyết định và mức độ tham gia?
- ☐ Đã làm rõ sự khác biệt giới trong từng lĩnh vực?
- ☐ Đã xác định được đâu là bất bình đẳng giới (không chỉ khác biệt)?
- ☐ Đã ghi nhận mong đợi thay đổi của cả nam và nữ?

Có cơ sở để chuyển phân tích thành mục tiêu, hoạt động giới trong bước tiếp theo?

Bước 3. Xác định mục tiêu, kết quả và hoạt động có lồng ghép giới

Công cụ 3.1. Khung chuyển đổi phân tích thành mục tiêu/hoạt động

Vấn đề giới phát hiện	Mục tiêu cần đạt	Hoạt động dự kiến	Chỉ số theo dõi
Phụ nữ ít tiếp cận đất sản xuất	Tăng cường quyền tiếp cận nguồn lực của phụ nữ	Tập huấn kỹ năng canh tác bền vững, vận động cấp đất cho nữ chủ hộ	% phụ nữ tham gia tập huấn; số nữ chủ hộ có đất sản xuất

• Bảng kiểm kiểm tra:

- ☐ Mục tiêu có rõ ràng, đo lường được?
- ☐ Hoạt động có giải quyết nhu cầu khác biệt của phụ nữ và nam giới?
- ☐ Có chỉ số giới gắn kèm không?

Bước 4. Phân bổ nguồn lực và ngân sách đáp ứng giới

Công cụ 4.1. Bảng dự toán ngân sách đáp ứng giới

Hoạt động	Ngân sách dự kiến	Nội dung giới	Ghi chú
Tập huấn nông nghiệp thích ứng	200 triệu	40% kinh phí dành cho phụ nữ tham gia; hỗ trợ trông trẻ	Cần phân bổ từ nguồn X

- Bảng kiểm kiểm tra:**

- ☐ Ngân sách có dành riêng cho hoạt động giới?
- ☐ Có cân đối để phụ nữ tham gia không bị cản trở (thời gian, chi phí)?
- ☐ Có minh bạch, theo dõi được không?

Bước 5. Giám sát, đánh giá với chỉ số giới

Công cụ 5.1. Bộ chỉ số theo dõi giới

- Ví dụ chỉ số:

- Tỷ lệ phụ nữ tham gia các khóa tập huấn về BĐKH.
- Tỷ lệ phụ nữ có tiếng nói trong ban quản lý cộng đồng.
- Số lượng phụ nữ tiếp cận đất sản xuất hoặc tín dụng sau dự án.
- Mức độ hài lòng của phụ nữ/nam giới về sự tham gia vào kế hoạch.

- Bảng kiểm kiểm tra:**

- ☐ Có chỉ số phân tách giới?
- ☐ Có phương pháp thu thập và báo cáo rõ ràng?
- ☐ Có theo dõi cả số lượng và chất lượng tham gia?

Kết luận

Bộ công cụ hỗ trợ lồng ghép giới được thiết kế nhằm giúp cán bộ các sở, ngành trong các tỉnh dự án có thể vận dụng trực tiếp vào quá trình xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCRAP). Các công cụ được sắp xếp theo **5 bước thực hành lồng ghép giới**, từ thu thập thông tin, phân tích, xác định mục tiêu và hoạt động, phân bổ nguồn lực cho đến giám sát và đánh giá.

Điểm nổi bật của bộ công cụ là:

- Mỗi bước đều có **mục đích, nội dung thực hành và công cụ sử dụng** rõ ràng.
- Đi kèm là **Bảng kiểm kiểm tra** để cán bộ dễ dàng rà soát mức độ thực hiện.
- Có **ví dụ minh họa và gợi ý câu hỏi thực hành** giúp học viên sau tập huấn có thể tự triển khai tại đơn vị mình.
- Đặc biệt nhấn mạnh việc phân tích sự **khác biệt giới – bất bình đẳng giới – mong**

đội thay đổi của nam và nữ, coi đây là nền tảng để xây dựng các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu thực sự công bằng và bền vững.

Việc áp dụng bộ công cụ này không chỉ hỗ trợ các sở, ngành thực hiện đúng nhiệm vụ lồng ghép giới theo quy định, mà quan trọng hơn là giúp các kế hoạch, chương trình và dự án của ngành **phản ánh đầy đủ tiếng nói, nhu cầu và lợi ích của cả phụ nữ và nam giới**. Qua đó, CCRAAP của các tỉnh dự án sẽ có tính khả thi và hiệu quả cao hơn, đồng thời góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong phát triển bền vững.

Khuyến nghị sử dụng

Bộ công cụ này được thiết kế như một **tài liệu thực hành** dành cho cán bộ các sở, ngành trong các tỉnh dự án (Quảng Trị và Hà Tĩnh). Tài liệu có thể được sử dụng trong ba cách chính:

1. **Tài liệu tham khảo thường xuyên:** Cán bộ có thể sử dụng bộ công cụ trong quá trình chuẩn bị, rà soát và xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án của ngành, nhằm bảo đảm yếu tố giới được xem xét từ đầu đến cuối.
2. **Áp dụng song song với tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cấp tỉnh (2023):** Bộ công cụ này **không thay thế** Hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép giới trong kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UN Women ban hành, mà **bổ sung** ở góc độ thực hành và sát với thực tiễn công việc của các sở, ngành.
3. **Công cụ tập huấn và nâng cao năng lực:** Bộ công cụ có thể được sử dụng như tài liệu tập huấn nội bộ hoặc làm cơ sở cho các hoạt động đào tạo tiếp theo, nhằm tăng cường năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp ngành, cấp huyện và cơ sở.

Việc triển khai nghiêm túc và sáng tạo bộ công cụ này sẽ góp phần bảo đảm rằng các kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh dự án **không chỉ hiệu quả về mặt kỹ thuật mà còn công bằng, toàn diện và bền vững**, hướng tới mục tiêu phát triển hài hòa giữa thích ứng biến đổi khí hậu và thúc đẩy bình đẳng giới.

5. Gợi ý chỉ số giới theo lĩnh vực CCRAP

Chỉ số giới là công cụ quan trọng để theo dõi mức độ tham gia, hưởng lợi và tác động của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với nam và nữ. Việc sử dụng chỉ số giới giúp các sở, ngành:

- Xác định rõ đối tượng hưởng lợi theo giới;
- Đo lường kết quả và tác động một cách công bằng;
- Đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình trong triển khai CCRAP;
- Cung cấp dữ liệu phục vụ đánh giá, điều chỉnh chính sách.

Nguyên tắc lựa chọn chỉ số giới:

1. Chỉ số phải phản ánh được sự khác biệt giới trong tham gia và hưởng lợi.
2. Có khả năng thu thập dữ liệu định kỳ (từ báo cáo hiện có hoặc khảo sát bổ sung).
3. Mỗi lĩnh vực ưu tiên nên chọn tối thiểu 2–3 chỉ số.
4. Kết hợp cả chỉ số định lượng (tỷ lệ, số lượng) và định tính (mức độ hài lòng, cảm nhận về quyền ra quyết định).

5.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và sinh kế

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu vào	% phụ nữ tham gia lớp tập huấn nông nghiệp thích ứng	Sở NNMT, Hội phụ nữ
Kết quả	% nữ chủ hộ được hỗ trợ tín dụng thích ứng	Ngân hàng CSXH, Hội phụ nữ
Tác động	% hộ nữ chủ hộ cải thiện thu nhập từ mô hình nông nghiệp thích ứng	Báo cáo đánh giá sau can thiệp

5.2. Lĩnh vực Tài nguyên – Môi trường – Nước

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu ra	% phụ nữ tham gia họp thôn bàn quản lý tài nguyên	UBND xã, báo cáo cộng đồng
Kết quả	% phụ nữ được tiếp cận thông tin cảnh báo sớm	Ban chỉ huy PCTT xã
Tác động	% hộ nữ chủ hộ tiếp cận hệ thống nước sạch, bền vững	Sở NNMT, báo cáo xã

5.3. Lĩnh vực Y tế và sức khỏe cộng đồng

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu vào	Tỷ lệ phụ nữ được khám sức khỏe lưu động sau thiên tai	Trạm y tế xã
Kết quả	% phụ nữ được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản khẩn cấp	Báo cáo TYT xã
Tác động	% phụ nữ cảm thấy an toàn và được hỗ trợ tâm lý sau thiên tai	Khảo sát cảm nhận cá nhân

5.4. Lĩnh vực Giáo dục

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu vào	% giáo viên được tập huấn giảng dạy BDKH có lồng ghép giới	Sở GD&ĐT
Kết quả	% nữ sinh duy trì học tập sau thiên tai (ở vùng nguy cơ cao)	Phòng GD, trường học
Tác động	% học sinh nữ/thanh thiếu niên nữ tham gia câu lạc bộ/truyền thông về thích ứng BDKH	Báo cáo trường học

5.5. Lĩnh vực Du lịch – Dịch vụ

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu ra	% phụ nữ được đào tạo nghề gắn với du lịch bền vững	Ngành LĐTBXH, Hội phụ nữ
Kết quả	% phụ nữ tham gia quản lý/tổ trưởng nhóm du lịch cộng đồng	Nhóm du lịch cộng đồng
Tác động	% phụ nữ có việc làm ổn định từ mô hình du lịch cộng đồng	Báo cáo nhóm du lịch địa phương

5.6. Lĩnh vực Giao thông và hạ tầng

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu ra	% phụ nữ tham gia tham vấn khi xây dựng hạ tầng chống ngập/lũ	UBND xã, Ban quản lý dự án
Kết quả	% phụ nữ tiếp cận an toàn các công trình công cộng sau thiên tai (nhà tránh bão, nơi sơ tán)	Báo cáo chính quyền địa phương
Tác động	% phụ nữ hài lòng với điều kiện vệ sinh, an toàn tại nơi sơ tán	Khảo sát cộng đồng, Hội phụ nữ

5.7. Lĩnh vực Lao động – Việc làm

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu ra	% phụ nữ tham gia các chương trình đào tạo nghề thích ứng với BĐKH	Ngành LĐTBXH, Trung tâm dạy nghề
Kết quả	% phụ nữ được hỗ trợ khởi sự kinh doanh nhỏ sau thiên tai	Đơn vị phụ trách KH&CN, Hội Liên hiệp phụ nữ
Tác động	% lao động nữ có việc làm ổn định trong các mô hình sinh kế bền vững	Báo cáo lao động việc làm hằng năm

5.8. Lĩnh vực Văn hóa – Thông tin – Truyền thông

Loại chỉ số	Chỉ số đề xuất	Nguồn dữ liệu
Đầu ra	% phụ nữ, nam giới được tiếp cận thông tin khí hậu qua truyền thông cộng đồng	Sở VHDLTT, Đài PTTH tỉnh
Kết quả	% phụ nữ tham gia nhóm truyền thông/xung kích về ứng phó BĐKH	Hội phụ nữ, UBND xã
Tác động	% phụ nữ cho biết thông tin cảnh báo phù hợp với nhu cầu thực tế của họ	Khảo sát cảm nhận cộng đồng

Lưu ý khi sử dụng chỉ số giới

- Mỗi sở, ngành cần lựa chọn chỉ số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Không cần áp dụng toàn bộ, mà nên chọn 2–3 chỉ số trọng tâm, khả thi.
- Trong báo cáo, luôn phân tích sự khác biệt giới thay vì chỉ nêu tỷ lệ nam/nữ.
- Có thể bổ sung thêm chỉ số định tính để phản ánh cảm nhận, mức độ hài lòng, quyền ra quyết định.

Kết luận

Việc sử dụng chỉ số giới trong CCRAP giúp các cơ quan quản lý đánh giá chính xác hơn tác động của kế hoạch, bảo đảm tính công bằng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu báo cáo theo quy định của Nhà nước và các nhà tài trợ.